

Mẫu số 02/QĐ-CKNS
(Ban hành kèm theo Thông tư số
61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017
của Bộ Tài chính)

SỞ KH&CN TỈNH TN
TT PHÁT TRIỂN KH&CN
Số: 270/QĐ-TTKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 09 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai kết luận Thanh tra công tác quản lý tài chính
tại Sở KH&CN tỉnh Thái Nguyên và các đơn vị trực thuộc

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Biên bản Thanh tra tài chính của Đoàn Thanh tra Sở Tài chính tại Trung tâm Phát triển KH&CN tỉnh Thái Nguyên ngày 14/09/2020;

Căn cứ Kết luận số 4831/KL-STC ngày 30/11/2020 của Sở Tài chính về việc Kết luận công tác quản lý tài chính tại Sở KH&CN tỉnh Thái Nguyên và các đơn vị trực thuộc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai kết luận Thanh tra công tác quản lý tài chính tại Sở KH&CN tỉnh Thái Nguyên và các đơn vị trực thuộc (Có Kết luận số 4831/KL-STC kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Thông tin - Hành chính - Tổng hợp; Phụ trách kế toán và các phòng ban có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở KH&CN;
- Các Phòng;
- Lưu VT, THHCTH



GIÁM ĐỐC

Trương Anh Tuấn



Email: sotaichinh@thainguyen.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Thái Nguyên
Thời gian ký: 30.11.2020
14:05:28 +07:00

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 4831/KL-STC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 11 năm 2020

KẾT LUẬN

Thanh tra công tác quản lý tài chính tại Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên và các đơn vị trực thuộc

Căn cứ Điều 30 Luật Thanh tra;

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 05/11/2020 của Đoàn thanh tra theo Quyết định số 195/QĐ-STC ngày 20/8/2020 của Giám đốc Sở Tài chính Thái Nguyên về việc thanh tra tài chính tại Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên và các đơn vị trực thuộc và Báo cáo giải trình số 173/BC-KHCN ngày 24/11/2020 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên,

Giám đốc Sở Tài chính kết luận như sau:

A. Đặc điểm tình hình

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khoa học công nghệ bao gồm các hoạt động khoa học và công nghệ; phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, sở hữu trí tuệ; ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ và hạt nhân, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Tổ chức bộ máy của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên năm 2019 theo Quyết định số 1737/QĐ-UBND ngày 15/7/2015, Quyết định số 2677/QĐ-UBND ngày 12/9/2018, Quyết định số 2130/QĐ-UBND ngày 24/8/2015, gồm có:

+ 02 đơn vị quản lý nhà nước, gồm: Văn phòng sở, Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng. Các đơn vị này được giao quyền tự chủ theo Nghị định 130/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ.

+ 02 đơn vị sự nghiệp có thu tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động được giao quyền tự chủ theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ là: Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ, Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ.

Từ ngày 01/9/2020, Căn cứ Quyết định số 2682/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở, cơ cấu tổ chức của Sở gồm Văn phòng (có 4 phòng chuyên môn nghiệp vụ Văn phòng - Thanh tra Sở, Phòng Kế hoạch - Chuyên ngành, Phòng Quản lý khoa học và công nghệ, Phòng quản lý tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng); 2 đơn vị sự nghiệp công lập là Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ, Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ.

Trong năm 2019, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên và các đơn vị trực thuộc quản lý, sử dụng và quyết toán các nguồn kinh phí: kinh phí quản lý hành chính nhà nước, kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ, nguồn thu sự nghiệp của các đơn vị.

B. Số liệu tổng hợp: (Phụ biểu 1)

C. Giới hạn thanh tra

Thực hiện Quyết định thanh tra số 195/QĐ-STC ngày 20/8/2020 của Giám đốc Sở Tài chính Thái Nguyên về việc thanh tra tài chính tại Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên và các đơn vị trực thuộc, Đoàn Thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên và các đơn vị trực thuộc và từ ngày 31/8/2020 đến ngày 21/9/2020.

Thời kỳ thanh tra: Năm 2019 và các thời kỳ trước, sau có liên quan.

Giới hạn thanh tra:

Không thanh tra các nội dung ngoài nội dung, thời kỳ thanh tra theo quyết định số 195/QĐ-STC ngày 20/8/2020; Không thanh tra các nội dung đã được các cơ quan Thanh tra, Kiểm toán Nhà nước kiểm tra, kết luận.

Không đối chiếu, xác minh hóa đơn và chứng từ thanh toán với các bên cung cấp hàng hóa, dịch vụ; không chứng kiến việc kiểm kê vật tư, hàng hóa, tài sản và quỹ tiền mặt thời điểm 31/12/2019; không thực hiện đối chiếu, xác nhận các khoản tạm thu, phải trả, tạm ứng; không đối chiếu xác minh với người lao động của đơn vị và không thanh tra về đóng BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ tại đơn vị.

Không kiểm tra thực tế chất lượng, số lượng vật tư, máy móc, thiết bị, xây dựng, sửa chữa, nguyên vật liệu, thành phẩm, kết quả của các dự án, các bên có quan hệ kinh tế với đơn vị; Không tiến hành đối chiếu xác minh thông tin, chi trả thực tế với người lao động, cá nhân, tổ chức tham gia dự án và không thanh tra phản đối ứng của các đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia dự án.

Đoàn thanh tra trên hồ sơ quyết toán, chứng từ, sổ sách, báo cáo quyết toán do đối tượng thanh tra cung cấp tại thời điểm thanh tra. Đối tượng được

thanh tra chịu trách nhiệm về tính xác thực của các tài liệu đã cung cấp cho Đoàn Thanh tra.

D. Kết quả thanh tra

I. Công tác lập, thẩm định, tổng hợp, giao dự toán và thẩm tra quyết toán

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên được UBND tỉnh giao dự toán trực tiếp cho Sở và đơn vị trực thuộc. Hàng năm, căn cứ vào quy định của Bộ Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên đã phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn đơn vị trực thuộc lập dự toán thu chi tài chính, đồng thời tiến hành thẩm tra, tổng hợp trình Sở Tài chính thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt. Căn cứ xây dựng dự toán: Nghị quyết về định mức phân bổ ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh cho thời kỳ ổn định, các thông tư, nghị định và chế độ chính sách tăng thêm.

Việc lập dự toán bao gồm phần ngân sách nhà nước và nguồn thu sự nghiệp, số phải tạo nguồn cải cách tiền lương từ nguồn thu của đơn vị và tiết kiệm chi thường xuyên.

II. Khối quản lý nhà nước

1. Ưu điểm

Về cơ bản các đơn vị đã chấp hành tương đối tốt Luật Ngân sách nhà nước, sử dụng nguồn kinh phí đúng mục đích, dự toán được duyệt. Công tác kế toán đáp ứng kịp thời yêu cầu nhiệm vụ, chứng từ mở sổ sách đầy đủ, ghi chép, hạch toán, quyết toán cơ bản theo quy định.

2. Kết quả thanh tra

2.1. Thanh tra việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công

Các đơn vị đã xây dựng được quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019 chi tiết, cụ thể, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tổ chức thực hiện. Tuy nhiên, Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng chưa xây dựng quy chế quản lý, sử dụng tài sản công. 2/4 đơn vị quy chế trong năm chưa kịp thời bổ sung, điều chỉnh để quản lý, sử dụng nguồn kinh phí được giao (*Văn phòng Sở, Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng*).

2/4 đơn vị trong quy chế chi tiêu nội bộ còn chưa quy định cụ thể thời gian thanh toán một số khoản chi dẫn đến việc cá nhân đề nghị thanh toán chậm so với niên độ kế toán; chưa xây dựng và quy định định mức tiêu hao nhiên liệu xăng dầu xe ô tô công và việc khoán chi xăng xe khi sử dụng phương tiện cá

nhân đi công tác (*Văn phòng Sở*); Chế độ thanh toán tiền nghỉ phép hàng năm đối với cán bộ, công chức, lao động hợp đồng làm việc trong các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Thông tư số 57/2014/TT-BTC ngày 06/5/2014 của Bộ Tài chính (*Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng*).

2.2. Thanh tra việc lập dự toán

Qua thanh tra cho thấy công tác lập dự toán ngân sách đã thực hiện cơ bản theo quy định của Luật Ngân sách, các văn bản hướng dẫn.

2.3. Thanh tra thực hiện dự toán thu, chi

Thanh tra việc sử dụng kinh phí thường xuyên

Kinh phí ngân sách nhà nước cấp: Đơn vị đã theo dõi tiếp nhận, quản lý sử dụng và báo cáo quyết toán cơ bản theo đúng quy định. Tỷ lệ % kinh phí tiết kiệm được từ nguồn ngân sách cấp kinh phí thường xuyên trên kinh phí được giao là 4,3%.

Một số chứng từ chi tiền công tác phí chưa đầy đủ nội dung đi công tác, không có giấy mời họp...; Tiền vé cầu, đường, gửi xe... một số chứng từ còn chưa phù hợp với công lệnh của nơi đến. Việc thực hiện đối chiếu cấp phát xăng dầu với số km thực tế sử dụng của xe ô tô công còn chưa đầy đủ, chính xác (*Văn phòng Sở*).

Thanh tra nội dung chi không thường xuyên

Kinh phí không thường xuyên tại các đơn vị bao gồm: Kinh phí chi quản lý hành chính không giao quyền tự chủ; Kinh phí được cấp cho sự nghiệp khoa học công nghệ. Về cơ bản, Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích, dự toán được thẩm định và chi theo chế độ nhà nước quy định.

Tuy nhiên đối với việc mua sắm trang phục thanh tra năm 2019 không có sổ theo dõi cấp phát trang phục thanh tra qua các năm; Nguồn thu chi các khoản cho tặng chưa được thể hiện trong báo cáo của đơn vị; Thanh toán thực hiện in lịch khoa học và công nghệ năm 2020 theo hợp đồng số 01/HĐ/2019/LKHCN ngày 9/12/2019, số tiền 195.000.000 đồng, chưa có tài liệu chứng minh đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia ngày 29/11/2019 (*Văn phòng Sở*).

Tại *Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng* Gói thầu: Tư vấn xây dựng mô hình điểm về năng xuất chất lượng tại 03 doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh. Giá trị thanh quyết toán 138.900.000 đồng. Chi cục phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu tại Quyết định số 89/QĐ-TĐC ngày 07/10/2019 với hình thức lựa chọn nhà thầu là Chỉ định thầu. Hình thức chỉ thầu phê duyệt chưa rõ ràng: Chỉ định thầu thông thường hay rút gọn. ✓

2.4. Thanh tra nguồn thu, chi phí, lệ phí

Nguồn thu của Văn phòng bao gồm phí, lệ phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học và công nghệ, phí thẩm định kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ, hạt nhân; phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ; lệ phí về cấp bằng, cấp chứng chỉ, cấp phép, điều chỉnh giấy chứng nhận đối với các hoạt động ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật.... Văn phòng Sở đã thực hiện thu và chi phí, lệ phí theo dự toán được duyệt hàng năm của UBND tỉnh. Tuy nhiên đơn vị chưa thực hiện trích đủ nguồn cải cách tiền lương từ số thu phí được để lại theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 46/2019/TT-BTC ngày 23/7/2019 của Bộ Tài chính số tiền 42.508.000 đồng, đồng thời chưa hạch toán số tiền này vào Tài khoản 468 - Nguồn cải cách tiền lương.

III. Khối đơn vị sự nghiệp

1. Ưu điểm

Các đơn vị về cơ bản chấp hành tương đối tốt Luật Ngân sách nhà nước, sử dụng nguồn kinh phí đúng mục đích, dự toán được duyệt. Kê khai và quyết toán các khoản thuế cơ bản theo đúng các quy định. Công tác kế toán đáp ứng kịp thời yêu cầu nhiệm vụ, chứng từ mở sổ sách đầy đủ, ghi chép, hạch toán, quyết toán cơ bản theo quy định.

Các đơn vị đã tuân thủ quy định về xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, hàng năm sau hội nghị viên chức, người lao động có sự điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế. Việc xây dựng quy chế về cơ bản bám sát với các quy định của nhà nước. Quá trình thực hiện đơn vị cơ bản bám sát dự toán được duyệt, thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ và chế độ chi tiêu của nhà nước quy định. Sử dụng kinh phí kịp thời đáp ứng yêu cầu công việc chuyên môn, thực hiện nhiệm vụ chính trị.

Nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ của các đơn vị gồm thu từ dịch vụ đo tiếp địa, an toàn bức xạ, hoạt động đào tạo kiểm định, cân ô tô, kiểm định xăng dầu... Về cơ bản các đơn vị đã hạch toán đầy đủ, thực hiện kê khai thuế theo quy định của Luật thuế và các văn bản hướng dẫn. Việc sử dụng các quỹ về cơ bản theo đúng quy định hiện hành.

2. Hạn chế

2.1. Thanh tra việc lập, giao dự toán

Kinh phí của Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ được giao theo hình thức không thường xuyên (*kinh phí được cấp cho các nhiệm vụ thường xuyên theo các chức năng và các nhiệm vụ bổ sung*). Qua thanh tra cho thấy công tác lập và giao dự toán ngân sách đã thực hiện cơ bản theo quy định của

Luật Ngân sách, các văn bản hướng dẫn. Căn cứ tiêu chuẩn định mức, hàng năm Trung tâm đã lập dự toán trình Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên để Sở Tài chính thẩm định, phê duyệt theo quy định. Tuy nhiên trong kinh phí nhà nước đặt hàng, đã tính đến chi phí tiền lương, tiền công, nguyên vật liệu, năng lượng, sửa chữa duy tu bảo trì bảo dưỡng hiệu chỉnh thiết bị, chi khác... chưa tính đến khoản khấu hao tài sản cố định, công cụ, dụng cụ để phục vụ các nhiệm vụ thường xuyên theo các chức năng của Trung tâm.

2.2. Thanh tra thực hiện dự toán thu, chi và quyết toán kinh phí

Kinh phí không thường xuyên tại Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ bao gồm kinh phí được cấp cho các nhiệm vụ thường xuyên theo các chức năng và các nhiệm vụ bổ sung, cụ thể: Thông tin, tuyên truyền các hoạt động KH & CN trên địa bàn tỉnh; Quản lý và vận hành hệ thống CNTT & TT phục vụ quản lý nhà nước của Sở; Đăng ký, lưu trữ, công bố thông tin về KH & CN thuộc phạm vi quản lý của địa phương, tổ chức điều tra, thống kê về KH & CN tỉnh Thái Nguyên; Xây dựng mô hình trồng thử nghiệm cây dưa lê Hàn Quốc trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Cập nhật cơ sở dữ liệu về Tiêu chuẩn đo lường chất lượng trên địa bàn tỉnh; Quản lý, duy trì hệ thống tiêu chuẩn đo lường phục vụ công tác quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh; Kiểm định, hiệu chuẩn phục vụ công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ...

Đối với các nguồn kinh phí trên, Trung tâm đã cơ bản sử dụng đúng mục đích, dự toán được thẩm định và chi theo chế độ nhà nước quy định. Tuy nhiên còn một số hạn chế:

- Tại nhiệm vụ 3 "*Đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ KH&CN thuộc phạm vi quản lý của địa phương; tổ chức điều tra thống kê KHCN*": mức chi phê duyệt thẩm định dự toán chi trả tiền cung cấp thông tin vào Phiếu điều tra chưa phù hợp.

- Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ số 4 "*Xây dựng mô hình trồng thử nghiệm cây dưa lê Hàn Quốc trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên*": Việc khảo sát, lựa chọn hộ dân tham gia thực hiện mô hình chưa có tiêu chí cụ thể và chưa được thể hiện bằng văn bản; Chưa có cam kết và chứng từ chứng minh việc đối ứng của người dân khi tham gia mô hình bằng nguồn vốn đối ứng (giống, phân bón, vật tư khác...).

2.3. Thanh tra nguồn thu, chi hoạt động kinh doanh, dịch vụ, sự nghiệp

Nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ của Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ gồm thu hoạt động dịch vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng, dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử, đo điện trở nổi đất cho các tổ chức và cá

nhân theo quy định của pháp luật (kiểm định máy x quang, đo an toàn bức xạ, kiểm định phương tiện, đo điện trở nổi đất, xây dựng trang thông tin, in ấn phẩm thông tin... Về cơ bản Trung tâm đã hạch toán đầy đủ, thực hiện kê khai thuế, trích bổ sung nguồn cải cách tiền lương đầy đủ theo quy định. Việc sử dụng các quỹ về cơ bản theo đúng quy định hiện hành.

Tuy nhiên còn một số hạn chế:

- Mức thu được thực hiện theo thông báo giá dịch vụ kỹ thuật số 132/TB-TTKH&CN ngày 30/5/2019 của Trung tâm quy định và được báo cáo với Sở Khoa học và công nghệ để đề nghị phê duyệt giá (*Công văn số 24/TTKH&CN-THT ngày 20/1/2020*). Đến nay chưa được phê duyệt chính thức, do vậy, mức thu dịch vụ chưa thống nhất.

- Đơn vị có thực hiện thanh toán tiền thuê phòng nghỉ đi tham quan, nghỉ mát tại Phiếu chỉ số PC00063 ngày 09/07/2019 số tiền 31.200.000 đồng (*giá trị trên 20 triệu thanh toán bằng tiền mặt*), là khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 sửa đổi Điều c Khoản 1 Điều 6 Thông tư 78/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Đơn vị thực hiện chi tiền ăn ca cho người lao động số tiền 255.400.000 đồng là chưa phù hợp do Trung tâm là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên nên không phải là đối tượng được chi ăn ca theo quy định tại Điểm 1 Khoản I Thông tư 22/2008/TT-BLĐTBXH ngày 15/10/2008 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và Điểm a Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ.

Các khoản chi không được trừ dẫn tới chênh lệch thu chi tăng 286.600.000 đồng; Thuế TNDN phải nộp tăng 57.320.000 đồng; nguồn cải cách tiền lương tăng 89.901.462 đồng.

2.4. Các vấn đề khác tại Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ

Vốn điều lệ của Quỹ chưa được cấp trong việc thực hiện hỗ trợ, tài trợ kinh phí, cho vay, bảo lãnh vốn vay.

Đối với các dự án nhiệm vụ khoa học công nghệ, đơn vị đã thực hiện đầy đủ các thủ tục thanh quyết toán theo quy định. Tuy nhiên căn cứ vào quy định của hợp đồng, bên nhận đặt hàng có trách nhiệm quản lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Dự án cho tới khi quyết định xử lý tài sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trên thực tế, năm 2019 chưa có quy định cụ thể đối với các tài sản trên.

Theo giải trình của đơn vị: Ngày 15/5/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị

định số 70/2018/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước. Bộ Tài chính đã ban hành 02 thông tư: số 63/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018; số 10/2019/TT-BTC ngày 20/02/2019. Đến nay, Bộ KH&CN đã ban hành Thông tư số 02/2020/TT-B KH&CN ngày 10/8/2020 (có hiệu lực thi hành từ 30/9/2020) hướng dẫn cụ thể triển khai xử lý tài sản hình thành thông qua nhiệm vụ KH&CN.

IV. Thanh tra việc chấp hành pháp luật về kế toán

Ưu điểm: Các đơn vị đã áp dụng phần mềm kế toán, áp dụng chế độ kế toán hành chính sự nghiệp theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính, kết thúc năm ngân sách đơn vị đã in đầy đủ sổ sách để đưa vào lưu trữ theo quy định. Báo cáo quyết toán lập kịp thời, chứng từ kế toán cơ bản lưu trữ đầy đủ và đã sử dụng đúng các mẫu biểu tại chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

Hạn chế:

- Báo cáo tài chính năm 2019 của 3/3 đơn vị trực thuộc chưa được Sở Khoa học và Công nghệ xét duyệt quyết toán NSNN.

- Tại Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng: Năm 2019 đơn vị không thực hiện trích quỹ phúc lợi. Việc chi các nội dung phúc lợi trong năm 2019 được thực hiện bằng nguồn của các năm trước chuyển sang là chưa thực hiện đúng quy định tại mục 2, Điều 8 Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005; khoản b, mục 7 Điều 3 Thông tư số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014.

- Tại Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ: Việc quản lý, xử lý các khoản công nợ còn chưa chặt chẽ. Cụ thể:

+ Các khoản phải thu, phải trả tồn tại từ trước năm 2019 do chưa có xác nhận, chưa cụ thể nội dung 98.785.350 đồng, chưa xác định rõ trách nhiệm của từng bộ phận, từng cá nhân trong việc theo dõi, quản lý, xác nhận và thu hồi. Theo giải trình của Trung tâm, đây là khoản công nợ tồn tại từ trước năm 2008 của 3 trung tâm trước khi sáp nhập chưa xử lý.

+ Công nợ phải thu khác 4.714.164 đ là khoản thu nợ bằng tiền mặt (Phiếu chi số T0026, ngày 10/04/2019) của Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ KH&CN năm 2018. Theo giải trình của trung tâm, căn cứ biên bản bàn giao nhiệm vụ, kinh phí ngày 23/10/2018 của Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ KH&CN cho Trung tâm Phát triển KH&CN theo Quyết định số 2677/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của UBND tỉnh. Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ KH&CN khi bàn giao

không xác định nội dung, tính chất nguồn kinh phí chênh lệch là 4.714.164 đồng và năm 2019 đã nộp lại tiền mặt.

+ Công nợ phải thu năm 2019 với số tiền 619.684.801 đồng chưa thực hiện xác nhận công nợ đầy đủ.

- Tại Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ: Căn cứ vào Điều 14, Chương IV, Quyết định số 30/2016/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 v/v ban hành quy chế tài chính Quỹ hàng năm phải tự kiểm tra tài chính kế toán, tuy nhiên quỹ chưa thực hiện.

V. Thanh tra nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.

Các đơn vị đã kê khai và nộp tương đối đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước như thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tuy nhiên tại 4/4 đơn vị chưa tính đầy đủ tổng thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân của các cá nhân theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính. Qua rà soát, không phát sinh thêm thuế TNCN phải nộp.

Đối với Dự án Ứng dụng công nghệ xây dựng mô hình nuôi trai nước ngọt lấy ngọc tại Thái Nguyên, đơn vị chủ trì thực hiện dự án chưa thực hiện khấu trừ thuế TNCN 10% với những trường hợp thuê khoán có mức chi trả từ 2 triệu đồng/lần trở lên chưa đáp ứng đủ điều kiện không khấu trừ thuế TNCN theo quy định tại Điểm i Khoản 1 Điều 25 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính, cụ thể với phần chi trả thuê khoán do NSNN cấp kinh phí, tổng thu nhập thuê khoán 148.092.000 đồng, thuế TNCN tương ứng 14.809.200 đồng.

VI. Thanh tra việc quản lý, sử dụng tài sản cố định

Các đơn vị cơ bản cuối năm đã tiến hành kiểm kê tài sản cố định. 3/4 đơn vị có các tài sản, công cụ, dụng cụ mua đã được ghi tăng tài sản, bàn giao đưa vào sử dụng cho các bộ phận, và lập thẻ dán nhãn tài sản cố định theo quy định tại Thông tư 45/2018/TT-BTC ngày 7/5/2018 của Bộ Tài chính.

1/4 đơn vị (Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ) quản lý tài sản chưa được chặt chẽ. Cụ thể:

- Các tài sản chưa thực hiện gắn thẻ theo dõi tài sản theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính.

- Chưa ghi tăng TSCĐ vô hình năm 2019 đối với mua phần mềm MISA ngày 03/07/2019 (từ nguồn các quỹ) 10.000.000 đồng.

- Theo biên bản kiểm kê của đơn vị, rất nhiều tài sản hỏng nhưng vẫn được đưa vào sử dụng từ năm 2000-2016 với tổng nguyên giá 572.806.000 đồng, giá trị còn lại tại 31/12/2019 là 51.923.750 đồng; TSCĐ dùng cho công tác chuyên môn đưa vào tăng tài sản của Trung tâm, nhận bàn giao từ năm 2009-2019 bằng nguồn NSNN nhưng chưa sử dụng với nguyên giá: 12.786.932.405 đồng; giá trị còn lại: 4.044.648.992 đồng; TSCĐ, CCDC hỏng, hết hạn sử dụng nhưng Trung tâm chưa tiến hành các thủ tục thanh lý theo quy định (nguyên giá: 787.022.571 đồng; giá trị còn lại: 51.923.750 đồng).

- Đối với các tài sản cùng phục vụ cho hoạt động sự nghiệp và hoạt động dịch vụ, Trung tâm chưa phân bổ đầy đủ, chính xác, chi phí khấu hao tài sản, hao mòn tài sản cố định theo quy định tại khoản 3, Điều 16 Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính.

VII. Thanh tra việc thực hiện công khai tài chính

Hàng năm, các đơn vị đã thực hiện báo cáo công khai dự toán và quyết toán NSNN theo quy định của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách. Báo cáo công khai quản lý sử dụng tài sản công theo quy định Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính. Nghị quyết Hội nghị cán bộ công chức, viên chức hàng năm đã thông qua báo cáo công khai tài chính của cơ quan.

1/4 đơn vị (*Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng*) chưa có báo cáo cụ thể về hình thức công khai; chưa công khai kết quả đấu thầu gói thầu mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước đã thực hiện trong năm.

1/4 đơn vị (*Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ*) công khai chưa đầy đủ trên trang thông tin điện tử theo quy định.

VIII. Thanh tra việc triển khai, tổ chức thực hiện Luật Thực hành Tiết kiệm, Chống lãng phí (THTK, CLP)

Các đơn vị đã triển khai Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tới toàn thể cán bộ công chức, viên chức và lao động hợp đồng. Việc THTK, CLP đã được thể hiện trong quy chế chi tiêu nội bộ.

Các đơn vị cơ bản đã thực hiện báo cáo kết quả THTK, CLP theo quy định của Luật THTK, CLP và quy định của UBND tỉnh.

E. Nhận xét và Kết luận

1. Ưu điểm



- Việc chấp hành Luật Kế toán, Luật Ngân sách, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cơ bản đầy đủ, đúng quy định từ khâu lập chứng từ gốc, vào sổ kế toán, báo cáo tài chính theo đúng chế độ tài chính, đầy đủ, rõ ràng, theo đúng mẫu biểu quy định của Bộ Tài chính.

- Công tác tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí cơ bản thực hiện đúng quy định của pháp luật về Luật Kế toán, Luật Ngân sách.

- Quy chế chỉ tiêu nội bộ đảm bảo tính công khai dân chủ, thuận lợi cho công tác quản lý tài chính.

2. Hạn chế

- Quy chế chỉ tiêu nội bộ một số đơn vị còn quy định chưa đầy đủ, có điểm còn chưa phù hợp; còn đơn vị chưa xây dựng được quy chế quản lý, sử dụng tài sản công.

- Công tác quản lý tài sản còn một số hạn chế: còn tài sản chưa thực hiện gắn thẻ theo dõi, chưa ghi nhận kịp thời tăng tài sản cố định; Một số tài sản hỏng nhưng chưa kịp thời tiến hành các thủ tục thanh lý theo quy định; TSCĐ dùng cho công tác chuyên môn đưa vào tăng tài sản nhưng chưa sử dụng; chi phí khấu hao của tài sản phục vụ cho hoạt động sự nghiệp và hoạt động dịch vụ chưa phân bổ đầy đủ, chính xác...

- Quản lý công nợ chưa chặt chẽ, nhiều công nợ còn tồn tại từ các năm trước chưa được xử lý đúng quy định.

- Đối với thu sự nghiệp, dịch vụ Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt để ban hành bảng giá dịch vụ kỹ thuật.

- Lập dự toán một số nhiệm vụ khoa học công nghệ, đơn đặt hàng của nhà nước còn chưa tính đầy đủ các chi phí phục vụ nhiệm vụ thường xuyên. Việc khảo sát, lựa chọn hộ dân tham gia thực hiện mô hình dự án, mức phê duyệt thẩm định dự toán chi trả tiền cung cấp thông tin vào Phiếu điều tra còn một số nội dung chưa phù hợp.

- Thiếu quy định hướng dẫn cụ thể của pháp luật đối với tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước.

- Chưa tổng hợp đầy đủ tổng thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân. Chưa kê khai và nộp đầy đủ thuế TNCN với những trường hợp thuê khoán có mức chi trả từ 2 triệu đồng/lần trở lên; một số khoản chi không được trừ khi tính thuế TNDN dẫn tới tăng chênh lệch thu chi, tăng thuế TNDN phải nộp và nguồn cải cách tiền lương



- Một số đơn vị còn có hạn chế, thiếu sót trong việc lập chứng từ thanh toán, báo cáo tài chính năm các đơn vị trực thuộc chưa được Sở Khoa học và Công nghệ xét duyệt quyết toán NSNN; hình thức lựa chọn nhà thầu chưa rõ ràng, chưa trích lập quỹ đúng quy định; chưa hạch toán nguồn cải cách tiền lương đúng quy định; công khai tài chính còn chưa đầy đủ trên trang thông tin điện tử; Nguồn thu chi các khoản cho tặng chưa được thể hiện trong báo cáo của đơn vị...

3. Nguyên nhân

Cán bộ chuyên môn chưa cập nhật kịp thời những thay đổi về chế độ chính sách quản lý tài chính mới ban hành. Công tác quản lý tài sản, công nợ còn chưa được chặt chẽ.

4. Trách nhiệm

Với những tồn tại trong công tác quản lý tài chính trên đây, trách nhiệm chính thuộc về Thủ trưởng, kế toán các đơn vị thời kỳ năm 2019.

Trước những tồn tại trong công tác quản lý công nợ, quản lý tài sản, trách nhiệm thuộc về Thủ trưởng các đơn vị có hạn chế và các bộ phận liên quan các thời kỳ.

5. Kiến nghị

Đoàn Thanh tra kiến nghị Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên chỉ đạo Văn phòng Sở và đơn vị trực thuộc:

5.1. Đối với Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên

- Tổ chức rút kinh nghiệm với các hạn chế nêu trên (*Duyệt quyết toán các đơn vị trực thuộc, hạch toán các khoản cho tặng...*)

- Thực hiện đầy đủ Hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính về tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP, Thông tư số 63/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018; Thông tư số 10/2019/TT-BTC ngày 20/02/2019, Thông tư số 02/2020/TT-BKHCN ngày 10/8/2020 trong năm 2020.

- Tăng cường công tác kiểm tra về nghiệp vụ tài chính kế toán đối với các đơn vị trực thuộc để hướng dẫn các đơn vị thực hiện tốt hơn công tác quản lý thu chi tài chính.

- Hướng dẫn Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên đối với khoản phải thu, phải trả khác tồn lâu qua các năm để xử lý dứt

điểm trong năm 2020 và xử lý đối với các tài sản hỏng, hết hạn, phân bổ chi phí khấu hao theo đúng quy định...

- Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc khắc phục các hạn chế nêu trên để thực hiện tốt hơn Luật Kế toán và chế độ quản lý tài chính Nhà nước (*Hoàn thiện, sửa đổi quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp; công tác quản lý tài sản, công nợ đúng quy định; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật kế toán; thanh toán, quyết toán theo đúng quy định*).

5.2. Đối với các đơn vị trực thuộc

- Tổ chức rút kinh nghiệm với các hạn chế nêu trên.

- Khắc phục các hạn chế nêu trên để thực hiện tốt hơn Luật Kế toán, Luật Xây dựng và chế độ quản lý tài chính Nhà nước; đảm bảo công tác quản lý thu chi các nguồn kinh phí theo đúng quy định.

- Điều chỉnh sổ sách theo kết luận của Đoàn Thanh tra.

* Về xử lý kinh tế

Kiến nghị Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên chỉ đạo Thủ trưởng đơn vị trực thuộc chấm dứt ngay những tồn tại và hạn chế trong công tác quản lý tài chính, đồng thời thực hiện kiến nghị truy thu về ngân sách nhà nước, giảm trừ dự toán ngân sách chi thường xuyên năm 2020, tổng giá trị 209.252.826 đồng. Cụ thể:

- Truy thu về ngân sách nhà nước, số tiền: 76.843.364 đồng.

+ Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ: Thuế thu nhập cá nhân nộp bổ sung 14.809.200 đồng đối với đơn vị chủ trì thực hiện dự án Ứng dụng công nghệ xây dựng mô hình nuôi trai nước ngọt lấy ngọc tại Thái Nguyên.

+ Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ: Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp bổ sung 57.320.000 đồng.

+ Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ: Công nợ bàn giao chưa rõ nội dung 4.714.164 đồng.

- Giám trừ dự toán ngân sách chi thường xuyên năm 2020 nguồn cải cách tiền lương: 132.409.462 đồng.

+ Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ: 89.901.462 đồng.

+ Văn phòng Sở: 42.508.000 đồng.

Tài khoản nộp: 3941.0.1100881.00000 mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Thái Nguyên.

Đơn vị thụ hưởng: Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên

Nội dung nộp: Theo kiến nghị của Đoàn thanh tra Sở Tài chính tại Quyết định thanh tra số 195/QĐ-STC ngày 20/8/2020.

Trên đây là Kết luận thanh tra tại Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên và các đơn vị trực thuộc. Theo quy định của Luật Thanh tra, trong phạm vi 10 ngày kể từ ngày nhận được Kết luận Thanh tra, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên và các đơn vị trực thuộc có trách nhiệm niêm yết kết luận thanh tra tại trụ sở cơ quan trong thời gian ít nhất 15 ngày và báo cáo bằng văn bản về biện pháp tổ chức thực hiện Kết luận thanh tra gửi Sở Tài chính và Đoàn Thanh tra tài chính./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Thanh tra tỉnh;
- BGĐ Sở Tài chính TN;
- Sở KH&CN và đơn vị trực thuộc;
- Đoàn thanh tra;
- Lưu: VT, TTr, HCSN.





**BẢNG TỔNG HỢP NGUỒN KINH PHÍ ĐƯỢC CẤP VÀ QUYẾT TOÁN NGUỒN KINH PHÍ
NĂM 2019 TẠI SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH THÁI NGUYÊN**

Kèm theo Kết luận số: 483/KL-STC ngày 30/11/2020 của Sở Tài chính Thái Nguyên

ĐVT: Đồng

STT	Tên đơn vị	Dự đầu năm	Kinh phí được giao				Kinh phí đề nghị quyết toán				Kinh phí hủy dự toán/chuyển năm sau				Ghi chú
			Tổng dự toán	KP thường xuyên	KP không thường xuyên	HD ĐT DA	Tổng QT toán	KP thường xuyên	KP không thường xuyên	HD ĐT DA	Tổng	KP thường xuyên	KP không thường xuyên	HD ĐT DA	
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
A	TỔNG CỘNG	307.792	14.320.964	5.007.000	9.313.964	36.199.000	49.604.212	5.007.000	9.187.901	35.409.311	1.223.544		126.063	1.097.481	0
I	Sở Khoa học và Công nghệ		10.345.680	4.073.000	6.272.680	0	10.306.497	4.073.000	6.233.497	0	39.183	0	39.183	0	Hủy dự toán tại KB
II	DV trực thuộc	307.792	3.975.284	934.000	3.041.284	36.199.000	39.297.715	934.000	2.954.404	35.409.311	1.184.361	0	86.880	1.097.481	
1	Chi cục TCDLCL		1.762.320	934.000	828.320	0	1.675.440	934.000	741.440		86.880	0	86.880	0	Hủy dự toán tại KB
2	Trung tâm PTKH&CN		2.212.964		2.212.964	0	2.212.964	0	2.212.964		0	0	0	0	
3	Quỹ PTKHCN	307.792				36.199.000	35.409.311			35.409.311	1.097.481			1.097.481	chuyển KP năm sau

